

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST
Ngày 19-6-2024
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Kiềm.
- Bà Lê Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 2000; nơi cư trú: Khu dân cư T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thế Đ, Luật sư của Văn phòng Luật sư TĐ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn T, xã H,

huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 29/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh S tại thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc chỉ được hơn một tháng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn xảy ra bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau và không quan tâm đến nhau, ai thích làm gì thì làm, từ đó tình trạng vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng vẫn không đem lại kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 02/2024 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư T phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương sống, chị không về chung sống cùng với anh S ngày nào nữa. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Trần Thị Th và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cũng như thời điểm vợ chồng sống ly thân đúng như chị Th đã trình bày. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn anh thì anh không đồng ý ly hôn vì gia đình anh theo Đạo Thiên Chúa, vợ chồng đã kết hôn với nhau thì không được phép bỏ vợ, bỏ chồng. Còn trong trường hợp chị Th vẫn cố tình ly hôn thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị Th và anh S thống nhất xác định vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị Th và anh S thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị Th, anh S thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Th: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn S. Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Trần Thị Th cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Th là Luật sư Phạm Thế Đ và bị đơn là anh Nguyễn Văn S đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn S là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung với nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh S; còn anh S mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và anh chị đã ly thân nhau là thực tế, vì lí do tôn giáo nên anh không được phép ly hôn, nếu chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Theo xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Th và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị có sự khác nhau về cách sống theo vùng miền và tôn giáo dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị Th và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị Th được ly hôn anh S là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Th và anh S không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị Th và anh S cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn S.

2. Án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000122 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị Th đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho chị Th và anh S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Hoàng Tây;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;

- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đức Thọ

